

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN THÀNH  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 29 tháng 7 năm 2022  
“V/việc tranh chấp về hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN**

**Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Anh Ngọc.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Trọng Thế – Bà Đồng Thị Lý.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Hưng, thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Kim Tinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 298/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2022/QĐST- HNGĐ ngày 15/7/2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trần Thị T, sinh ngày 20/10/1996. (Có mặt)

Địa chỉ: xóm Đ, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

**- Bị đơn:** Anh Trần Đình L, sinh ngày 04/8/1989.

Địa chỉ: xóm Đ, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Hiện nay đang chấp hành hình phạt tù chung thân tại trại giam số 6, đóng tại huyện T, tỉnh Nghệ An (Vắng mặt có lý do, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày tại bản khai của nguyên đơn, bị đơn và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thì vụ án có nội dung.

**- Về quan hệ hôn nhân:** Chị Trần Thị T và anh Trần Đình L tổ chức cưới nhau vào tháng 6/2014. Trước khi cưới chị T, anh L có quá trình tìm hiểu, hôn nhân trên cơ sở tình yêu tự nguyện, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Trước khi cưới anh L, chị T đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 39/2014 ngày 20/6/2014. Chị T, anh L thống nhất và thừa nhận sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt, trong cuộc sống có nhiều va chạm, xử sự không đúng mực đối với nhau. Ngoài ra anh L còn vi phạm pháp luật bị xử tù chung thân nên đã làm cuộc sống của vợ chồng đảo lộn là ảnh hưởng đến cuộc sống, sức khỏe tinh thần của chị T. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng đã làm cho chị T mất hết niềm tin, tình cảm, tình yêu đối với anh L dẫn đến hôn nhân giữa chị T và anh L tan rã đổ vỡ. Tại bản tự khai anh L cũng xác định hôn nhân giữa chị T và anh L đã hoàn toàn đổ vỡ, dù có hòa giải đến đâu thì vợ cũng thể hàn gắn đoàn tụ chị T yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn anh Trần Đình L hoàn toàn nhất trí.

- **Về quan hệ con chung:** Chị T, anh L thống nhất có 02 con chung là Trần Đình N (Giới tính: Nam), sinh ngày 17/4/2015 và Trần Đình N (Giới tính: Nam), sinh ngày 10/4/2017. Kể từ ngày anh L bị bắt về tội giết người cho đến nay hai con chung được chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn chị T, anh L thống nhất giao hai chung cho chị trực tiếp sóc nuôi dưỡng. Do anh L đang chấp hành hình phạt tù không có điều kiện để trực tiếp nuôi con, chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, các đương sự và đề nghị giải quyết vụ án như sau:

+/Về tố tụng:

Thẩm phán tiến hành thụ lý vụ án đúng qui định tại khoản 1 điều 28; khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 của BLTTDS. Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán qui định tại 48, điều 203 của BLTTDS, xác định tư cách tham gia tố tụng theo qui định tại điều 68 của BLTTDS. Tiến hành thu thập xác minh chứng cứ theo qui định tại chương VII của BLTTDS, làm rõ tình tiết khách quan của vụ án, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ theo qui định Điều 95; Điều 98 của BLTTDS. Lập biên bản về việc bị đơn xin vắng mặt trong quá trình mở phiên họp và giải theo qui định BLTTDS. Đã chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo qui định tại Điều 196 và Điều 220 của BLTTDS. Thư ký đã thực hiện đúng qui định tại điều 51 của BLTTDS. Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm qui định tại Điều 243; 250; 251; 258; 260 và Điều 262 của BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành theo đúng qui định tại Điều 70; Điều 71 và điều 234 của BLTTDS. Bị đơn chấp hành quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định tại Điều 70 và Điều 72 của BLTTDS.

+/Về nội dung: Căn cứ vào Điều 56; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Đề nghị xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn anh Trần Đình L.

- Về quan hệ con chung: Giao hai con chung cháu Trần Đình N (Giới tính: Nam), sinh ngày 17/4/2015 và Trần Đình N (Giới tính: Nam), sinh ngày

10/4/2017 cho Chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Trần Đình L cho đến lúc có yêu cầu.

- Về quan hệ tài sản: Các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên miễn xét.

- Về án phí: Buộc Chị Trần Thị T nộp án phí ly hôn hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn chị Trần Thị T, bị đơn anh Trần Đình L, yêu cầu các đương sự có mặt tại tòa án để giải quyết. Do anh Trần Đình L đăng chấp hành hình phạt tù anh có Đơn đề nghị xin vắng mặt trong quá trình mở phiên họp và hòa giải. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo phiên tòa đối với các đương sự. Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt có lý do có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn anh Trần Đình L.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục kết hôn giữa chị Trần Thị T và anh Trần Đình L đảm bảo đúng quy định của pháp luật, các bên tự nguyện xây dựng hôn nhân. Chị T, anh L đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 39/2014 ngày 20/6/2014, nên xác định hôn nhân giữa chị T và anh L là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân giữa chị T, anh L rã tan rã, đổ vỡ là do quá trình sống chung vợ chồng không tìm được tiếng nói, lối đi chung hôn nhân. Trong cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh L đã có những xử sự không chuẩn mực, thiếu tôn trọng nhau dẫn đến vợ chồng mất hết tình cảm đối với chồng. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh L đã hoàn toàn tan rã, đổ vỡ, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L là có cơ sở. Do đó cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và đình xử cho Chị Trần Thị T được ly hôn anh Trần Đình L.

- Về quan hệ con chung: Từ ngày vợ chồng sống ly thân hai con chung của vợ chồng được T trực tiếp nuôi dưỡng. Mặc dù không có sự hỗ trợ của anh L về vật chất và tinh thần, nhưng chị đã nuôi dạy con tốt, con chung phát triển tích cực về mọi mặt. Nay chị T đề nghị giao hai con chung cho chị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là đúng, phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội, đảm bảo quyền lợi cho

con chung. Do đó cần áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận về việc đề nghị giao nuôi con của chị Trần Thị T.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện nay anh L đang chấp hành hình phạt tù, không có điều kiện để đóng tiền cấp dưỡng nuôi con, nên chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung, nên tòa miễn xét.

- Về quan hệ tài sản: Chị Trần Thị T, anh Trần Đình L không yêu cầu tòa giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- **Về án phí:** Buộc chị Trần Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

#### **Xử:**

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Trần Thị T được ly hôn anh Trần Đình L.

2. Về quan hệ con chung: Giao haicon chung cháu Trần Đình N(Giới tính: Nam), sinh ngày 17/4/2015 và Trần Đình N(Giới tính: Nam), sinh ngày 10/4/2017 cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Trần Đình L cho đến lúc có yêu cầu.

Anh Trần Đình L người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không được ai cản trở, ngăn cấm.

Vì lợi ích của con các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Buộc: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được tính trừ 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai số: 0011374 ngày 13/6/2022. Chị Trần Thị T đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt có lý do được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA
- UBND xã H(Nơi ĐKKH)

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Vũ Anh Ngọc**